

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025

CHÁNH VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 26/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-STC ngày 21/3/2025 của Sở Tài chính về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai (theo phụ lục chi tiết đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 được điều chỉnh, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm thực hiện theo đúng Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- PGD số 13, KBNN KV XV;
- Lưu VT, QTTV.



CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Kim Long



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 139A/QĐ-VP ngày 27/3/2025 của Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025).

Của đơn vị: **VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Mã ĐVQHNS: 1049129

Mã KBNN nơi giao dịch: 1773

Chương 405

Đvt: đồng

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	DỰ TOÁN GIAO 2025	Trong đó			TỔNG CỘNG DỰ TOÁN SỬ DỤNG 2025
				TRƯỚC NGÀY 28/02/2025		DỰ TOÁN CÒN LẠI	
				SỐ THỰC CHI	SỐ TẠM ỨNG		
A	B	1	2=3+4+5	3	4	5	6=1+2
	TĂNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	169.773.123	17.463.000.000	1.674.530.164	0	15.809.081.836	17.632.773.123
	Bao gồm:						
340/341	A. Chi QLNN:	169.773.123	14.943.000.000	1.544.930.164	0	13.418.681.836	15.112.773.123
	1 Kinh phí tự chủ (mã nguồn 13)	98.773.123	6.172.000.000	1.092.250.382	0	5.079.749.618	6.270.773.123
	- Chi con người		4.300.000.000	731.661.106		3.568.338.894	4.300.000.000
	- Chi hoạt động (26 biên chế x 80 triệu)	98.773.123	1.872.000.000	360.589.276		1.511.410.724	1.970.773.123
	2 Kinh phí không tự chủ (mã nguồn 12)	71.000.000	8.771.000.000	452.679.782	0	8.338.932.218	8.842.000.000
	Kinh phí Đoàn ra		4.500.000.000			4.500.000.000	4.500.000.000
	Kinh phí Đoàn vào		630.000.000	129.029.442		500.970.558	630.000.000
	Kinh phí thực hiện các công tác ngoại giao văn hóa	0	1.080.000.000	206.621.120		873.378.880	1.080.000.000

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	DỰ TOÁN GIAO 2025	Trong đó		DỰ TOÁN CÒN LẠI	TỔNG CỘNG DỰ TOÁN SỬ DỤNG 2025
				TRƯỚC NGÀY 28/02/2025			
				SỐ THỰC CHI	SỐ TẠM ỨNG		
	Kinh phí tổ chức các hoạt động thúc đẩy giao lưu, hợp tác với các cơ quan đại diện nước ngoài (tổ chức chúc Tết và tặng quà các cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức Đoàn gặp gỡ, trao đổi, tìm kiếm cơ hội hợp tác nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh)	0	90.000.000			90.000.000	90.000.000
	Kinh phí tổ chức Lễ ký kết Bản Ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác quốc tế của tỉnh với các đối tác, địa phương nước ngoài theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định.	0	144.000.000	94.421.220		49.578.780	144.000.000
	Kinh phí mua hoa chúc mừng Quốc khánh các nước và các sự kiện lễ tân đối ngoại năm 2025	0	162.000.000	1.996.000		160.004.000	162.000.000
	Kinh phí mua sắm trang phục, thiết bị phục vụ công tác lễ tân, in phối thư đối ngoại của UBND tỉnh và Sở Ngoại vụ	0	180.000.000			180.000.000	180.000.000
	Kinh phí xuất bản Bản tin đối ngoại năm 2025 (06 số/năm)	0	600.000.000			600.000.000	600.000.000
	Kinh phí về lĩnh vực lãnh sự (Chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; Xử lý thi hà; Công tác biên phiên dịch trong lĩnh vực lãnh sự; Phối hợp với các cơ quan đại diện VN ở nước ngoài xử lý công tác bảo hộ công dân; Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài; Công tác hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	0	35.000.000			35.000.000	35.000.000

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	DỰ TOÁN GIAO 2025	Trong đó			TỔNG CỘNG DỰ TOÁN SỬ DỤNG 2025
				TRƯỚC NGÀY 28/02/2025		DỰ TOÁN CÒN LẠI	
				SỐ THỰC CHI	SỐ TẠM ỨNG		
	Kinh phí thực hiện Dự án "Nâng cấp thiết bị CNTT và phần mềm quản lý chuyên ngành, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ tỉnh Đồng Nai	0	1.350.000.000			1.350.000.000	1.350.000.000
	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc	71.000.000		20.612.000			
	B. Chi sự nghiệp	0	2.520.000.000	129.600.000	0	2.390.400.000	2.520.000.000
070/085	I. Sự nghiệp Giáo dục Đào tạo:	0	2.520.000.000	129.600.000	0	2.390.400.000	2.520.000.000
	1. Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (mã nguồn 12)	0	2.520.000.000	129.600.000	0	2.390.400.000	2.520.000.000
	- Kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức đối ngoại, nghiệp vụ Lễ tân ngoại giao và lớp bồi dưỡng kỹ năng biên, phiên dịch tiếng Anh cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh,..)	0	1.080.000.000			1.080.000.000	1.080.000.000
	- Kinh phí hỗ trợ đào tạo sinh viên Lào, Campuchia học tập tại tỉnh	0	1.440.000.000	129.600.000		1.310.400.000	1.440.000.000
		0					0

* Ghi chú:

- Căn cứ dự toán được giao đề nghị đơn vị thực hiện điều chỉnh chủ trương thực hiện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt,
- Căn cứ dự toán được giao đề nghị đơn vị phân khai